Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 21/07/2026 17:42:33 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1933 /QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế;

Căn cứ Quyết định số 4517/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố tái cấu trúc thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính có thành phần hồ sơ được thay thế dựa trên dữ liệu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 11 thủ tục hành chính được thay thế và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính số thứ tự 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 114, 133 tại Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; số thứ tự 04 tại Quyết định số 1109/QĐ-BTC ngày 08/5/2026 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế, hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để biết);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Văn phòng Bộ (để thực hiện theo dõi, đăng tải lên Cổng dịch vụ công Quốc gia);
- Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (để đăng tải Cổng TTĐT);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Thuế Tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CT (CS).

(5b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Anh Tuấn

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ/ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính:

STT	Số hồ sơ TTHC[(1)]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
1	2.002225	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	STT 19, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
2	1.008498	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân, người phụ thuộc	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân, người phụ thuộc	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	STT 04 Quyết định số 1109/QĐ-BTC ngày 08/5/2026 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý thuế, hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
3	1.008494	Đăng ký thuế để cấp mã số thuế nộp thay đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ	Đăng ký thuế để khấu trừ và nộp thay nghĩa vụ thuế	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế	STT 17, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
		chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng (nếu có nhu cầu cấp mã số thuế riêng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh); Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch				thương mại điện tử	hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
		vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu					
4	1.008503	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	STT 20, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
		liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)				quản lý Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
5	1.008504	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	STT 21, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
		chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh	chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh				
6	1.008505	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	STT 22, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc phạm vi

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
		quản lý trực tiếp (thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến), trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh.	quản lý trực tiếp (thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến), trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh.				chức năng quản lý của Bộ Tài chính
7	1.007042	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trở lại trước thời hạn	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	STT 23, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
							phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
8	1.007607	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	STT 133, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
9	1.008510	Khôi phục mã số thuế	Khôi phục mã số thuế	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở	STT 26, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
10	1.008759	Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức	Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	STT 24, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính

STT	Số hồ sơ TTHC[1]	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
							trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
11	2.002321	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại)	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại)	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	STT 25, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC bị bãi bỏ	Văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC bị bãi bỏ
1	1.008501	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế	Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế	Quản lý thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở	STT 114, Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính

**** Ghi chú:***

- Số hồ sơ TTHC [(1)]: Mã thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUẾ ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh) (Mã số TTHC 2.002225)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ:

(i) Đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có phát sinh nghĩa vụ với NSNN và đơn vị phụ thuộc

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương; hoặc bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh; hoặc phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định, gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Tổ chức kinh tế và các đơn vị phụ thuộc (trừ tổ hợp tác) theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Thuế tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của tổ chức kinh tế và các đơn vị phụ thuộc.

++ Tổ hợp tác, tổ chức khác và các đơn vị phụ thuộc quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Thuế cơ sở nơi tổ hợp tác đóng trụ sở, tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập (trừ đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã), tại Thuế cơ sở nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập, đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập.

(ii) Đối với Người điều hành; doanh nghiệp liên doanh; tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn; nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí; công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng dầu khí thì NNT chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định, gửi đến Thuế tỉnh, thành phố nơi người nộp thuế đặt trụ sở hoặc trường hợp người nộp thuế được phân công cho Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn quản lý thì nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn.

(iii) Đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng nhận thầu đối với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài kê khai nộp thuế nhà thầu trực tiếp với cơ quan thuế; phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân, phát sinh nghĩa vụ khác với ngân sách nhà nước, nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Thuế tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở.

(iv) Đối với người nộp thuế thuộc đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh yêu cầu được hoàn thuế, người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở.

(v) Đối với người nộp thuế là Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam; chủ chương trình, dự án, phi dự án hoặc nhà thầu chính (bao gồm cả văn phòng điều hành của nhà thầu chính tại Việt Nam), tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA (bao gồm cả văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án do nhà tài trợ chỉ định).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh yêu cầu được hoàn thuế, tổ chức, cá nhân thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân có địa chỉ thường trú tại Việt Nam.

(vi) Đối với người nộp thuế là tổ chức nước ngoài có phát sinh doanh thu tại Việt Nam thông qua hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP (sau đây gọi là nhà cung cấp nước ngoài), trừ trường hợp toàn bộ doanh thu phát sinh tại Việt Nam đã được khấu trừ và nộp thay thuế.

Người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế thông qua Hệ thống thông tin quản lý thuế theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 252/2026/NĐ-CP.

(vii) Đối với tổ chức kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Người nộp thuế thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 9 Điều 15 Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho

người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp như sau:

(i) Người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

+++ Đối với tổ chức kinh tế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam mẫu số BK07-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam);

++++ Trường hợp quyết định thành lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 90/2026/TT-BTC thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì người nộp thuế không phải nộp bản sao quyết định thành lập khi đăng ký thuế nhưng phải có văn bản cung cấp thông tin về việc tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai trên hồ sơ đăng ký thuế.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

+++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; trường hợp đơn vị phụ thuộc được cấp mã số thuế 10 chữ số theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư này là Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới

đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

++++ Trường hợp quyết định thành lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 90/2026/TT-BTC thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì người nộp thuế không phải nộp bản sao quyết định thành lập khi đăng ký thuế nhưng phải có văn bản cung cấp thông tin về việc tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai trên hồ sơ đăng ký thuế.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

++ Tổ hợp tác, tổ chức khác và các đơn vị phụ thuộc quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

+++ Hồ sơ đăng ký thuế của tổ chức là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bản sao Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

++++ Trường hợp quyết định thành lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 90/2026/TT-BTC thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì người nộp thuế không phải nộp bản sao quyết định thành lập khi đăng ký thuế nhưng phải có văn bản cung cấp thông tin về việc tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai trên hồ sơ đăng ký thuế.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

+++ Hồ sơ đăng ký thuế của đơn vị phụ thuộc:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bản sao quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

++++ Trường hợp quyết định thành lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 90/2026/TT-BTC thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì người nộp thuế không phải nộp bản sao quyết định thành lập khi đăng ký thuế nhưng phải có văn bản cung cấp thông tin về việc tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai trên hồ sơ đăng ký thuế.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(ii) Người điều hành; doanh nghiệp liên doanh; tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn; nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí; công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.

++ Hồ sơ đăng ký thuế của người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn gồm:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Bảng kê nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương; bản sao văn bản giao nhiệm vụ điều hành, văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền (nếu có), quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương của đơn vị được giao nhiệm vụ điều hành.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện

tử.

++ Hồ sơ đăng ký thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia) :

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Hồ sơ đăng ký thuế đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

(iii) Người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bản sao Giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(iv) Người nộp thuộc đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng.

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 06-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Giấy xác nhận của Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao và Phiên dịch đối ngoại - Bộ Ngoại giao, trong đó có thông tin về tên, địa chỉ của cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế.

(v) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam; chủ chương trình, dự án, phi dự án hoặc nhà thầu chính (bao gồm cả văn phòng điều hành của nhà thầu chính tại Việt Nam), tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử

dụng vốn ODA (bao gồm cả văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án do nhà tài trợ chỉ định).

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

(vi) Người nộp thuế là tổ chức nước ngoài có phát sinh doanh thu tại Việt Nam thông qua hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP (sau đây gọi là nhà cung cấp nước ngoài), trừ trường hợp toàn bộ doanh thu phát sinh tại Việt Nam đã được khấu trừ và nộp thay thuế

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu Tờ khai đăng ký thuế dành cho nhà cung cấp nước ngoài theo mẫu số 01/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

(vii) Tổ chức kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

++ Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo Mẫu số 01-ĐKTĐ-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/225/NĐ-CP.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

(i) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có phát sinh nghĩa vụ với NSNN và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

+ Tổ chức kinh tế bao gồm:

++ Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành

++ Đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang, tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội, xã hội-nghề nghiệp hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh; tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; tổ hợp tác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về tổ hợp

tác nhưng không thuộc trường hợp đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã.

+ Tổ chức khác bao gồm:

++ Tổ chức được thành lập bởi cơ quan có thẩm quyền không có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

++ Tổ chức, hộ gia đình và các cá nhân khác có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

(ii) Người điều hành doanh nghiệp liên doanh; tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn; nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí; công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.

+ Người điều hành, công ty điều hành chung, văn phòng điều hành, tổ chức được người điều hành phân công, ủy quyền điều hành dự án dầu khí theo quy định của pháp luật dầu khí (gọi chung là người điều hành); doanh nghiệp liên doanh; tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn;

+ Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia)

+ Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.

(iii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.

+ Tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam (trừ nhà cung cấp nước ngoài quy định tại điểm đ khoản này), cá nhân nước ngoài hành nghề độc lập kinh doanh tại Việt Nam (trừ cá nhân không cư trú quy định tại điểm e khoản này) phù hợp với pháp luật Việt Nam có thu nhập phát sinh tại Việt Nam hoặc có phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài).

(iv) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế thuộc đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng.

Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

(v) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam; chủ chương trình, dự án, phi dự án hoặc nhà thầu chính (bao gồm cả văn phòng điều hành của nhà thầu chính tại Việt Nam), tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA (bao gồm cả văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án do nhà tài trợ chỉ định).

Tổ chức, cá nhân.

(vi) Tổ chức nước ngoài có phát sinh doanh thu tại Việt Nam thông qua hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP

+ Tổ chức nước ngoài (bao gồm cả chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số ở nước ngoài) có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử và các dịch vụ khác có phát sinh doanh thu tính thuế tại Việt Nam (gọi là nhà cung cấp nước ngoài).

(vii) Tổ chức kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

+ Tổ chức kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Thông báo mã số thuế nộp thay

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(i) Người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

+ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

++ Đối với tổ chức kinh tế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam mẫu số BK07-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có).

++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; trường hợp đơn vị phụ thuộc được cấp mã số thuế 10 chữ số theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư này là Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có) ;

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có).

+ Tổ hợp tác, tổ chức khác và các đơn vị phụ thuộc quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

++ Hồ sơ đăng ký thuế của tổ chức là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có).

++ Hồ sơ đăng ký thuế của đơn vị phụ thuộc:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có) .

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 01-ĐK-TCT, 02-ĐK-TCT, 04-ĐK-TCT, 06-ĐK-TCT, BK01-ĐK-TCT, BK02-ĐK-TCT, BK03-ĐK-TCT, BK04-ĐK-TCT, BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(ii) Người điều hành; doanh nghiệp liên doanh; tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn; nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí; công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.

+ Hồ sơ đăng ký thuế của người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Bảng kê nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Hồ sơ đăng ký thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia) :

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Hồ sơ đăng ký thuế đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 01-ĐK-TCT, 02-ĐK-TCT, BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(iii) Người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có).

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 04-ĐK-TCT, BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(iv) Người nộp thuộc đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng.

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 06-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(v) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam; chủ chương trình, dự án, phi dự án hoặc nhà thầu chính (bao gồm cả văn phòng điều hành của nhà thầu chính tại Việt Nam), tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA (bao gồm cả văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án do nhà tài trợ chỉ định).

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(vi) Người nộp thuế là tổ chức nước ngoài có phát sinh doanh thu tại Việt Nam thông qua hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP (sau đây gọi là nhà cung cấp nước ngoài), trừ trường hợp toàn bộ doanh thu phát sinh tại Việt Nam đã được khấu trừ và nộp thay thuế

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu Tờ khai đăng ký thuế dành cho nhà cung cấp nước ngoài theo mẫu số 01/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 01/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(vii) Tổ chức kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

+ Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo Mẫu số 01-ĐKTĐ-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

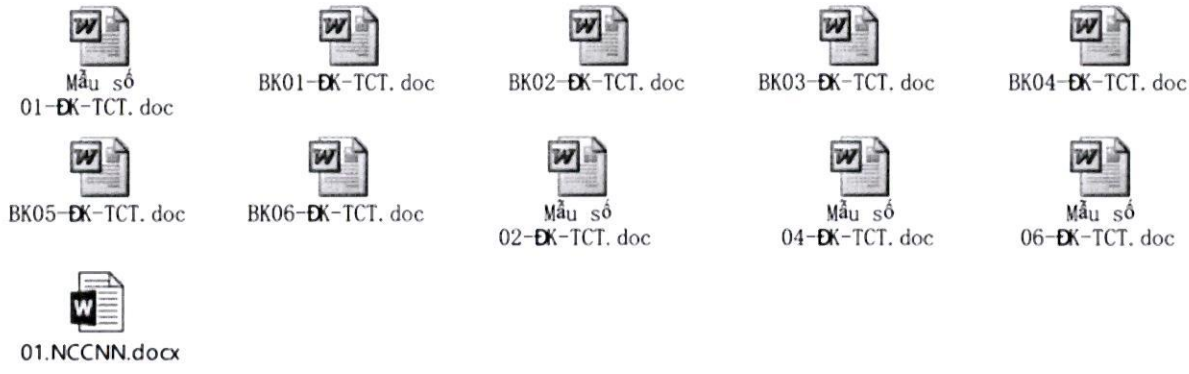
+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

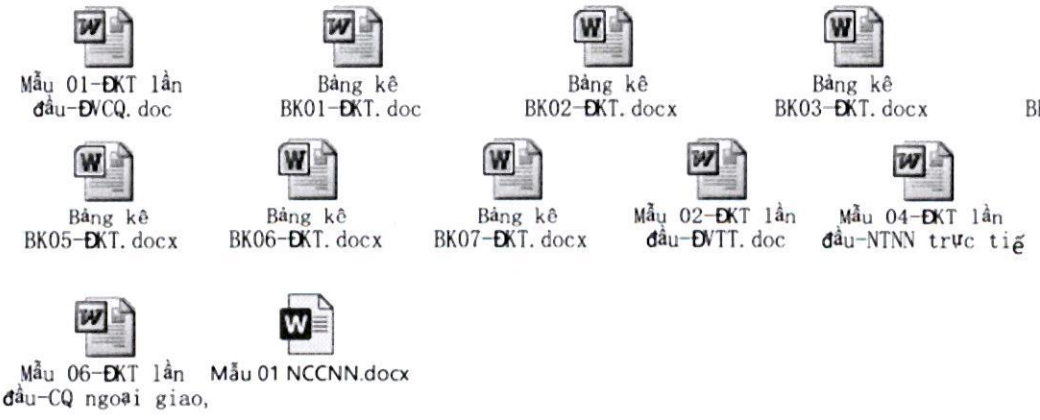
+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



(ii) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



2. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân, người phụ thuộc (mã số TTHC 1.008498)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ:

(i) Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không phải đăng ký hộ kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh, người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định gửi đến Thuế cơ sở để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

+ Tại Thuế cơ sở nơi đặt trụ sở chính;

+ Tại Thuế cơ sở nơi cư trú của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trong trường hợp không có địa điểm kinh doanh cố định;

+ Tại Thuế cơ sở nơi cá nhân có bất động sản cho thuê, trường hợp có nhiều bất động sản cho thuê ở các địa điểm khác nhau thì lựa chọn một trong các Thuế cơ sở nơi cá nhân có bất động sản cho thuê;

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

(ii) Đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập:

Cá nhân có ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế gửi hồ sơ cho cơ quan chi trả thu nhập. Trường hợp cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân tại nhiều cơ quan chi trả thu nhập, cá nhân chỉ uỷ quyền đăng ký thuế tại một cơ quan chi trả thu nhập và thông báo số định danh cá nhân của cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế đã được cấp (đối với người nước ngoài) với các cơ quan chi trả thu nhập khác để sử dụng vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế.

Cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp và gửi tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐKT-TH ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập để đăng ký thuế thay cho cá nhân có uỷ quyền.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

(iii) Đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với NSNN (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân hoặc phát sinh nghĩa vụ khác với ngân sách nhà nước, người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định, gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Tại Thuế tỉnh, thành phố nơi cá nhân làm việc đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế;

++ Tại Thuế tỉnh, thành phố nơi phát sinh công việc tại Việt Nam đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài;

++ Tại Thuế cơ sở nơi cá nhân cư trú đối với những trường hợp khác.

++ Tại Thuế cơ sở nơi hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đối với cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

(iv) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập:

Cá nhân có ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho người phụ thuộc gửi hồ sơ cho cơ quan chi trả thu nhập. Trường hợp cá nhân nộp thuế thu nhập cá nhân tại nhiều cơ quan chi trả thu nhập, cá nhân chỉ uỷ quyền đăng ký thuế tại một cơ quan chi trả thu nhập và thông báo số định danh cá nhân của người phụ thuộc (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế đã được cấp cho người phụ thuộc (đối với người nước ngoài) với các cơ quan chi trả thu nhập khác để sử dụng vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế.

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp và gửi tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐKT-TH ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh theo quy định của pháp luật, gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập để đăng ký thuế thay cho người phụ thuộc có ủy quyền.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

(v) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

Cá nhân lập hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh và gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Tại Thuế tỉnh, thành phố nơi cá nhân làm việc đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế;

++ Tại Thuế tỉnh, thành phố nơi phát sinh công việc tại Việt Nam đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài;

Trường hợp cá nhân trực tiếp đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc thì thời hạn đăng ký thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ gửi đến cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả,

thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế;

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã;

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

(i) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không phải đăng ký hộ kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh:

++ Đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động kinh doanh là người Việt Nam:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC hoặc hồ sơ khai thuế có tích hợp thông tin đăng ký thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng chưa được cấp mã số thuế thì nộp kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh còn hiệu lực;

++ Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC hoặc hồ sơ khai thuế có tích hợp thông tin đăng ký thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

+++ Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân; hoặc bản sao giấy tờ có giá trị sử dụng đối với cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 122/2024/NĐ-CP);

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(ii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập:

++ Hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân gồm gửi cho cơ quan chi trả thu nhập: Văn bản ủy quyền mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

++ Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin đăng ký thuế của cá nhân vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐKT-TH ban hành kèm theo

Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(iii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với NSNN (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

++ Đối với cá nhân là người Việt Nam: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC hoặc hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế trong trường hợp cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế.

++ Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC hoặc hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế trong trường hợp cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế.

+++ Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân;

+++ Bản sao văn bản bổ nhiệm của Tổ chức sử dụng lao động trong trường hợp cá nhân người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân được cử sang Việt Nam làm việc nhưng nhận thu nhập tại nước ngoài.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(iv) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập:

++ Hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân gồm gửi cho cơ quan chi trả thu nhập:

+++ Văn bản ủy quyền Mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC ;

+++ Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN (đối với trường hợp người phụ thuộc quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Bản sao các giấy tờ khác xác định người phụ thuộc theo quy định pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

+++ Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của người phụ thuộc hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu) đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

++ Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin đăng ký thuế của cá nhân vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐKT-TH ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(v) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN (đối với trường hợp người phụ thuộc quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao các giấy tờ khác xác định người phụ thuộc theo quy định pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

++ Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của người phụ thuộc hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu) đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

(i) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không phải đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh.

(ii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chi trả thu nhập.

(iii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với NSNN (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

(iv) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chi trả thu nhập.

(v) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

(i) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thuế cơ sở.

(ii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử

(iii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với NSNN (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử

(iv) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử

(v) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

(i) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh:

+ Giấy chứng nhận đăng ký thuế mẫu số 10-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

(ii), (iii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh)

+ Đối với cá nhân là người Việt Nam:

++ Cơ quan thuế thông báo kết quả khớp đúng cho người nộp thuế đến địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại đã đăng ký của cá nhân.

+ Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

++ Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Trường hợp cá nhân thực hiện đăng ký thuế qua hồ sơ khai thuế, khoản thu khác và thuộc trường hợp do cơ quan quản lý thuế tính thuế, khoản thu khác, thông báo thuế, khoản thu khác theo quy định của pháp luật thì mã số thuế được cấp ghi trên Thông báo nộp tiền.

(iv), (v) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân

+ Đối với người phụ thuộc là người Việt Nam:

++ Cơ quan thuế thông báo kết quả khớp đúng cho người nộp thuế đến địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại đã đăng ký của cá nhân.

+ Đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

++ Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(i) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(ii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập:

+ Văn bản ủy quyền Mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐKT-TH ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(iii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với NSNN (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(iv) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập:

+ Văn bản ủy quyền Mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công theo mẫu số 20-ĐKT-TH ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(v) Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Trường hợp cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

+ Tờ khai đăng ký thuế dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 20-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

+ Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cá nhân/đại diện hộ gia đình là người Việt Nam phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của mình chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp chưa được cấp số định danh cá nhân thì cá nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

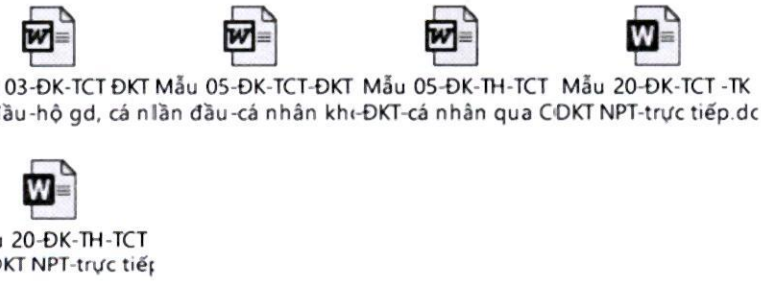
+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

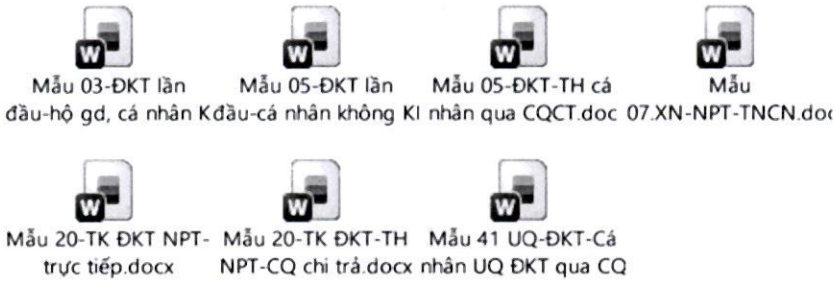
+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



(ii) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



3. Đăng ký thuế để khấu trừ và nộp thay nghĩa vụ thuế (Mã số TTHC 1.008494)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày: Phát sinh trách nhiệm khấu trừ thuế và nộp thuế thay theo hợp đồng, văn bản hợp tác kinh doanh; uỷ nhiệm thu theo quy định của Luật quản lý thuế, người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định sau đó gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc tại cơ quan thuế ký hợp đồng ủy nhiệm thu để làm thủ tục đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp

thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế (gọi chung là Thông tư số 89/2026/TT-BTC) qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế;

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã;

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

* Đối với Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khấu trừ và nộp thay thuế cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số BK04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

* Đối với Tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng là phương pháp khấu trừ thuế thực hiện khấu trừ và nộp thay thuế cho nhà cung cấp nước ngoài, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

* Đối với Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác ở trong nước có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP khấu trừ và nộp thay thuế cho nhà cung cấp nước ngoài, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

* Đối với Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khấu trừ và nộp thay thuế cho cá nhân có hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Bản sao hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh.

* Đối với tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.4-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

+ *Số lượng hồ* sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn (cơ quan thuế đang quản lý trực tiếp người nộp thuế).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo mã số thuế nộp thay theo mẫu số 11-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số BK04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC .

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.4-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 04.1-ĐK-TCT, mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK, mẫu số 04.4-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



(ii) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



4. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh) (Mã số TTHC 1.008503)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ:

(i) Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

NNT đã đăng ký thuế với cơ quan thuế, khi có thay đổi một trong các thông tin trên tờ khai đăng ký thuế, bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi;

(ii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.

Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cá nhân và người phụ thuộc thì phải gửi nộp hồ sơ cho cơ quan chi trả thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi; tổ chức chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin thay đổi của cá nhân, người phụ thuộc vào tờ khai đăng ký thuế và gửi cho cơ quan quản lý thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ủy quyền của cá nhân.

(iii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế.

Người nộp thuế là cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế khi có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì phải thông báo cho Thuế cơ sở nơi cá nhân thường trú hoặc tạm trú trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

(iv) Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí.

+ Nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia

hợp đồng dầu khí, nộp hồ sơ thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế tại Thuế tỉnh, thành phố nơi người điều hành của hợp đồng dầu khí có hoạt động chuyển nhượng đặt trụ sở; trường hợp người điều hành được phân công cho Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn quản lý thì nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế (gọi chung là Thông tư số 89/2026/TT-BTC) qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế;

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã;

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ theo từng trường hợp như sau:

(i). Đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

++ Đối với người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, c, g, i, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC, hồ sơ gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp nếu thông tin trên các Giấy tờ này có thay đổi.

++ Đối với người nộp thuế theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC, hồ sơ gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Đối với người nộp thuế là nhà cung cấp nước ngoài theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC , hồ sơ gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế dành cho nhà cung cấp nước ngoài theo mẫu số 01-1/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm k khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC, hồ sơ gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân nếu thông tin trên giấy tờ này có thay đổi đối với cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp mã số thuế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(ii). Đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.

++ Đối với người nộp thuế và người phụ thuộc:

+++ Văn bản ủy quyền đăng ký thuế mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+++ Trường hợp cá nhân hoặc người phụ thuộc thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp mã số thuế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì nộp kèm theo bản sao hộ chiếu có thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký thuế của cá nhân hoặc người phụ thuộc.

++ Đối với cơ quan chi trả thu nhập:

+++ Tờ khai đăng ký mẫu số 05-ĐKT-TH ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế.

+++ Tờ khai đăng ký mẫu số 20-ĐKT-TH ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký người phụ thuộc.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(iii). Đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế.

++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST hoặc mẫu số 20-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Trường hợp cá nhân hoặc người phụ thuộc thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp mã số thuế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì nộp kèm theo bản sao hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân hoặc người phụ thuộc trong trường hợp thông tin đăng ký thuế trên giấy tờ này có thay đổi.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

+ Trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế bản điện tử đã cập nhật thông tin thay đổi gửi cho người nộp thuế;

+ Trường hợp việc kết nối giữa Hệ thống thông tin quản lý thuế với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn trong quá trình xác thực thông tin thay đổi, cá nhân thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

i). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, c, g, i, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

(ii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chi trả thu nhập.

(iii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

(i). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế cơ sở

(ii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn (cơ quan thuế đang quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập).

(iii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế cơ sở (nơi cá nhân cư trú).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

(i). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

+ Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Giấy chứng nhận đăng ký

thuế hoặc Thông báo mã số thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

+ Trường hợp thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế: .

Cơ quan thuế trả kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế bản điện tử cho người nộp thuế qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế; đồng thời gửi qua địa chỉ thư điện tử của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế theo thông tin người nộp thuế đã đăng ký.

(ii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.

+ Đối với cá nhân Việt Nam: Cập nhật thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế nếu khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

++ Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Đối với người phụ thuộc là người Việt Nam:

++ Cơ quan thuế thông báo kết quả khớp đúng cho người nộp thuế đến địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại đã đăng ký của cá nhân.

+ Đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

++ Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

(iii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế.

+ Đối với cá nhân Việt Nam: Cập nhật thông tin thay đổi nếu khớp đúng với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

++ Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(i). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh).

+ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Tờ khai điều chỉnh thông tin đăng ký thuế dành cho nhà cung cấp nước ngoài theo mẫu số 01-1/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính, mẫu số 01-1/NCCNN thực hiện theo mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(ii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.

+ Văn bản ủy quyền đăng ký thuế mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 05-ĐKT-TH ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

+ Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 20-ĐKT-TH ban hành kèm theo ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo

lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(iii). Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế.

Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST hoặc mẫu số 20-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 08-MST, mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

++ Cá nhân là người Việt Nam phải kê khai các thông tin về họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân của người phụ thuộc chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp chưa được cấp số định danh cá nhân thì cá nhân phải liên hệ với cơ quan Công an cấp xã để thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cá nhân trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



(i) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



5. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh (Mã số TTHC 1.008504)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ:

(i) Đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Người nộp thuế đăng ký thuế trực tiếp với CQT khi có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở trên tờ khai đăng ký thuế dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp (CQT nơi chuyển đi).

Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh khi có thay đổi địa chỉ trụ sở làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì người nộp thuế phải nộp hồ sơ thay đổi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp (cơ quan thuế nơi chuyển đi) để thực hiện các thủ tục về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

(ii) Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC hướng dẫn về đăng ký thuế, nếu người nộp thuế không thực hiện chuyển địa điểm thì nộp Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm đến cơ quan thuế nơi chuyển đi theo mẫu số 31/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế (gọi chung là Thông tư số 89/2026/TT-BTC) qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế;

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã;

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

(i) Đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh

++ Đối với người nộp thuế thuộc diện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại điểm a, b, c, g, i, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp địa chỉ trên các Giấy tờ này có thay đổi.

++ Đối với người nộp thuế theo quy định tại điểm d, k khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(ii) Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi (Mã 1.010694)

Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

(i) Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan ĐKKD.

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế, trong đó dự kiến thời gian thực hiện kiểm tra.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế (nếu có) hoặc kết luận kiểm tra, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm gửi cho người nộp thuế và cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến.

(ii) Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư này, nếu người nộp thuế không thực hiện chuyển địa điểm thì phải có văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan thuế nơi chuyển đi. Cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc xác nhận người nộp thuế hủy chuyển địa điểm mẫu số 36/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này, gửi người nộp thuế trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của người nộp thuế;

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

(i) Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ

kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan ĐKKD.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

(ii) Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc xác nhận người nộp thuế hủy chuyển địa điểm mẫu số 36/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(i) Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan ĐKKD.

Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

(ii) Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi.

Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 31/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính

Mẫu 08-MST TK thay đổi thông tin ĐKT.doc

Mẫu 31-ĐK-TCT Đăng ký hủy chuyến

(ii) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính

Mẫu 08-MST TK thay đổi thông tin ĐKT.doc

Mẫu 31-ĐKT Đăng ký hủy chuyến ĐĐ.doc

6. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến), trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh. (Mã số TTHC 1.008505)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm (mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC, người nộp thuế lập hồ sơ gửi đến cơ quan thuế nơi chuyển đến theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, d, g, i khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC (trừ tổ hợp tác) nộp hồ sơ tại Thuế tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở mới;

++ Người nộp thuế là tổ chức hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ tại Thuế tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở mới;

++ Người nộp thuế theo quy định tại điểm c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập (trừ đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã); tại Thuế cơ sở nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập, đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập.

++ Người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân kinh doanh theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ tại Thuế cơ sở nơi chuyển đến trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế (gọi chung là Thông tư số 89/2026/TT-BTC) qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết

quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: qua Cổng DVC Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

Hồ sơ thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế là văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế bản điện tử đã cập nhật thông tin thay đổi gửi cho người nộp thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 30/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính

Mẫu 30-Đăng ký chuyển ĐĐ tại CQT

(ii) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



Mẫu 30-ĐKT Đăng ký chuyển ĐĐ tại (

7. Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trở lại trước thời hạn (Mã số TTHC 1.007042)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh không thuộc diện đăng ký kinh doanh thực hiện gửi Thông báo mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo thời hạn quy định tại điểm g.2 hoặc g.4 khoản 3 Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp thì công chức được giao tiếp nhận kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả vào địa chỉ thư điện tử do người nộp thuế đăng ký đối với hồ sơ thuộc diện cơ quan thuế phải trả kết quả cho người nộp thuế, thời hạn xử lý hồ sơ đối với từng loại hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và trực tiếp hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính, công chức thuế được giao tiếp nhận đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi sổ văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế;

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã;

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh/tiếp tục hoạt động, kinh doanh trở lại trước thời hạn mẫu số 23/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh không thuộc diện đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn (cơ quan thuế đang quản lý trực tiếp người nộp thuế).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo chấp thuận/hoặc không chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh mẫu số 27/TB-ĐKT, Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo đơn vị chủ quản mẫu số 33/TB-ĐKT (nếu có), Thông báo về việc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trở lại trước thời hạn theo đơn vị chủ quản mẫu số 34/TB-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh/tiếp tục hoạt động, kinh doanh trở lại trước thời hạn mẫu số 23/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và

đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính

Mẫu 23-Đăng ký tạm ngừng-tiếp tục

(ii) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính

Mẫu 23-ĐKT Đăng ký tạm ngừng-tiếp t

8. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế (Mã số TTHC 1.007607)

- Trình tự thực hiện:

+ Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ:

(i) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc(trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh):

Nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc ngày kết thúc hợp đồng.

(ii) Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã

Trước khi nộp hồ sơ để chấm dứt hoạt động tại cơ quan đăng ký kinh doanh phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo thời hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh), Luật Hợp tác xã (đối với hợp tác xã) và các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật khác có liên quan không quy định thời hạn người nộp thuế phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế thì người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, hoặc quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hộ kinh doanh.

(iii) Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí:

Nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hợp đồng, nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí; nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí khi chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí.

(iv) Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh

Nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do chấm dứt hoạt động kinh doanh đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động kinh doanh.

Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

(v) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Trước khi nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã (bao gồm cả trường hợp giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc), hoặc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc tại cơ quan đăng ký kinh doanh phải đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định.

(vi) Tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thay và nhà cung cấp nước ngoài theo quy định tại điểm g, h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 90/2026/TT-BTC

Tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thay khi không còn chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, nhà cung cấp nước ngoài khi chấm dứt hoạt động kinh doanh tại Việt Nam nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc ngày kết thúc hợp đồng.

+ Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp

thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế (gọi chung là Thông tư số 89/2026/TT-BTC) qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế;

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế;

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã;

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ đối với từng trường hợp như sau:

(i) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh):

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Đối với đơn vị chủ quản, hồ sơ là bản sao của một trong các giấy tờ sau: quyết định giải thể, quyết định chia, hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập, quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, thông báo chấm dứt hoạt động, quyết định chuyển đổi.

Trường hợp đơn vị chủ quản có các đơn vị phụ thuộc đã được cấp mã số thuế thì đơn vị chủ quản phải có văn bản thông báo chấm dứt hoạt động gửi cho các đơn vị phụ thuộc để yêu cầu đơn vị phụ thuộc thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản.

Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế thì đơn vị chủ quản có văn bản điện tử cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc gửi cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc sau khi mã số thuế của đơn vị phụ thuộc đã chấm dứt hiệu lực.

+++ Đối với đơn vị phụ thuộc, hồ sơ là bản sao của một trong các giấy tờ sau: quyết định hoặc thông báo chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc, quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị phụ thuộc của cơ quan có thẩm quyền.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(ii) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Bản sao quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(iii) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Bản sao bản thanh lý hợp đồng, hoặc bản sao văn bản xác nhận việc chấm dứt hiệu lực của hợp đồng dầu khí, hoặc bản sao văn bản về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tham gia hợp đồng dầu khí đối với nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, tài liệu chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế tại Việt Nam.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(iv) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh do chấm dứt hoạt động kinh doanh

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh thì thực hiện thông báo đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 8 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP và khoản 1 Điều 3 Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

(v) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC và các giấy tờ khác như sau:

+++ Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã giải thể là bản sao của một trong các giấy tờ: nghị quyết hoặc quyết định giải thể doanh nghiệp, nghị quyết giải thể hợp tác xã, quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh;

+++ Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã là bản sao của một trong các giấy tờ: quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt

động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+++ Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của tổ hợp tác là bản sao của một trong các giấy tờ: biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

++ Trường hợp có sự thay đổi về địa chỉ trụ sở hoặc các thông tin đăng ký thuế khác mà đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, người nộp thuế phải nộp kèm theo hồ sơ thay đổi thông tin theo quy định.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

(vi) Tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thay và nhà cung cấp nước ngoài theo quy định tại điểm g, h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 90/2026/TT-BTC

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

(i) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh):

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động và chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách

nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

(ii) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã.

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động và chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn

vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ giải thể/chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh/đăng ký hợp tác xã mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

(iii) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị trực thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động và chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế.

(iv) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh do chấm dứt hoạt động kinh doanh; chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh.

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động và chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế đối với hoạt động kinh doanh.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ về thuế, cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

++ Đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế để nộp hồ sơ giải thể/chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC và cập nhật lý do "Chờ xác nhận chấm dứt của cơ quan đăng ký kinh doanh".

(v) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế quản lý trực tiếp tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế, cơ quan thuế thực hiện chuyển trạng thái mã số thuế của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái 06 lý do 03 "Người nộp thuế không hoạt

động tại địa chỉ đã đăng ký và có hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế để nộp hồ sơ giải thể/chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

(vi) Tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thay và nhà cung cấp nước ngoài theo quy định tại điểm g, h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 90/2026/TT-BTC

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu

lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (trừ nhà cung cấp nước ngoài theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC) gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động và chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

(i) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh):

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc.

(ii) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã.

(iii) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí

(iv) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh do chấm dứt hoạt động kinh doanh; chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh.

(v) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã

(vi) Tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thay và nhà cung cấp nước ngoài theo quy định tại điểm g, h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 90/2026/TT-BTC

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác và nhà cung cấp nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Thương mại điện tử/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn (cơ quan thuế đang quản lý trực tiếp người nộp thuế).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT; Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế để nộp hồ sơ giải thể/chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh mẫu số 28/TB-ĐKT; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



Mẫu 24 ĐK-TCT -Đề nghị chấm dứt MST.

(ii) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



Mẫu 24-ĐKT Đề nghị chấm dứt MST.doc

9. Khôi phục mã số thuế (Mã số TTHC 1.008510)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế thuộc các trường hợp khôi phục mã số thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17, khoản b Điều 31 Thông tư số 90/2026/TT-BTC, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được khôi phục mã số thuế trong thời hạn như sau:

++ Người nộp thuế quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép tương đương, cơ quan thuế đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định, nhưng sau đó cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi;

++ Sau khi cơ quan thuế có thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng chưa bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép tương đương và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì người nộp thuế nộp văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, người nộp thuế phải ghi địa chỉ trụ sở hiện tại và giải trình lý do trong văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế, đồng thời nộp kèm hồ sơ thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Người nộp thuế quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC khi có nhu cầu tiếp tục hoạt động kinh doanh sau khi đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gửi đến cơ quan thuế theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nhưng cơ quan thuế chưa ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì người nộp thuế nộp văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

++ Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đã

nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 90/2026/TT-BTC, sau đó có văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc và người nộp thuế chưa nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

++ Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác được khôi phục tình trạng pháp lý theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh là thông tin khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã do cơ quan đăng ký kinh doanh gửi cho cơ quan thuế qua hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì sau khi được cơ quan đăng ký kinh doanh khôi phục tình trạng pháp lý theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, người nộp thuế phải nộp hồ sơ khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 17 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành

kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế (gọi chung là Thông tư số 89/2026/TT-BTC) qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế..

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: qua Cổng DVC Quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Hoặc Bản sao văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép tương đương của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép tương đương, cơ quan thuế đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định, nhưng sau đó cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi);

++ Hoặc Bản sao văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc (trong trường hợp đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế, sau đó có văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc và người nộp thuế chưa nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh).

++ Trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, người nộp thuế phải ghi địa chỉ trụ sở hiện tại và giải trình lý do trong văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế, đồng thời nộp kèm hồ sơ thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 Thông tư số 90/2026/TT-BTC, cơ quan thuế gửi thông báo về việc khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế, đơn vị phụ thuộc (nếu mã số thuế được khôi phục là đơn vị chủ quản);

++ Trường hợp mã số thuế của người nộp thuế đã bị cơ quan thuế cập nhật sang trạng thái 06 thì cơ quan thuế phải thực hiện thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở của người nộp thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày

nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế tương tự như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư số 90/2026/TT-BTC trước khi khôi phục mã số thuế.

+ Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 17 Thông tư số 90/2026/TT-BTC, cơ quan thuế thông báo về việc các nghĩa vụ thuế phải hoàn thành trước khi khôi phục mã số thuế và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn tính đến thời điểm người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế theo quy định, đồng thời thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở của người nộp thuế và lập biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ, bao gồm cả nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc (nếu có), cơ quan thuế gửi thông báo về việc khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế, đơn vị phụ thuộc (nếu mã số thuế được khôi phục là đơn vị chủ quản).

+ Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế đối với trường hợp quy định tại điểm c, d khoản 4 Điều 17 Thông tư số 90/2026/TT-BTC, cơ quan thuế thông báo về việc các nghĩa vụ thuế phải hoàn thành trước khi khôi phục mã số thuế và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hoá đơn tính đến thời điểm người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế theo quy định;

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ, bao gồm cả nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc (nếu có), cơ quan thuế gửi thông báo về việc khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế, đơn vị phụ thuộc (nếu mã số thuế được khôi phục là đơn vị chủ quản).

++ Trường hợp mã số thuế của người nộp thuế đã bị cơ quan thuế cập nhật sang trạng thái 06 thì cơ quan thuế phải thực hiện thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở của người nộp thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế tương tự như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư số 90/2026/TT-BTC trước khi khôi phục mã số thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử (cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Trường hợp NNT được khôi phục MST:

++ Thông báo khôi phục mã số thuế mẫu số 19/TB- ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

++ Thông báo về việc mã số thuế được khôi phục theo đơn vị chủ quản mẫu số 37/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu mã số thuế được khôi phục là đơn vị chủ quản).

++ Cập nhật trạng thái mã số thuế cho người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế không được khôi phục mã số thuế:

++ Thông báo về việc mã số thuế không được khôi phục mẫu số 38/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



Mẫu 25-ĐC nghỉ khôi phục MST.doc

(ii) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



Mẫu 25-ĐKT Đề nghị khôi phục MST.doc

10. Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức. (Mã số TTHC 1.008759)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ:

++ Đối với trường hợp chia tổ chức:

+++ Tổ chức bị chia: nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 90/2026/TT-BTC đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định chia tổ chức hoặc văn bản tương đương.

+++ Các tổ chức mới thành lập từ tổ chức bị chia phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép tương đương theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 90/2026/TT-BTC theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Thuế tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của tổ chức kinh tế.

++++ Tổ hợp tác, tổ chức khác theo quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Thuế cơ sở nơi tổ hợp tác đóng trụ sở, tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập (trừ đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã), tại Thuế cơ sở nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập, đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập.

++ Đối với trường hợp tách tổ chức:

+++ Tổ chức bị tách: nếu có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế sau khi tách thì phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+++ Tổ chức được tách: phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép tương đương theo quy định tại điểm a khoản 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 90/2026/TT-BTC theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Thuế tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của tổ chức kinh tế.

++++ Tổ hợp tác, tổ chức khác theo quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Thuế cơ sở nơi tổ hợp tác đóng trụ sở, tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập (trừ đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã), tại Thuế cơ sở nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập, đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập.

++ Đối với trường hợp sáp nhập tổ chức:

+++ Tổ chức bị sáp nhập nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương. Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+++ Tổ chức nhận sáp nhập nếu có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế sau khi sáp nhập thì trong thời hạn 10 (mười) làm việc ngày kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác, tổ chức nhận sáp nhập phải thực hiện thủ tục thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

++ Đối với trường hợp hợp nhất tổ chức:

+++ Các tổ chức bị hợp nhất nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản tương đương. Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+++ Tổ chức hợp nhất phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép tương đương theo quy định tại điểm a khoản 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 90/2026/TT-BTC theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Thuế tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của tổ chức kinh tế.

++++ Tổ hợp tác, tổ chức khác theo quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Thuế cơ sở nơi

tổ hợp tác đóng trụ sở, tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập (trừ đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã), tại Thuế cơ sở nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập, đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập.

++ Đối với trường hợp chuyển đổi loại hình tổ chức:

Tổ chức sau chuyển đổi phải thực hiện thủ tục thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế (gọi chung là Thông tư số 89/2026/TT-BTC) qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: Qua Cổng dịch vụ công quốc giahoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã

+Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với tổ chức mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu gồm:

+++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam mẫu số BK07-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

++++ Trường hợp quyết định thành lập thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì người nộp thuế không phải nộp bản sao quyết định thành lập khi đăng ký thuế nhưng phải có văn bản cung cấp thông tin về việc tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai trên hồ sơ đăng ký thuế.

++++ Bản sao quyết định chia/tách/hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản tương đương.

+++ Tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bản sao quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

++++ Trường hợp quyết định thành lập thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì người nộp thuế không phải nộp bản sao quyết định thành lập khi đăng ký thuế nhưng phải có văn bản cung cấp thông tin về việc tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai trên hồ sơ đăng ký thuế.

++++ Bản sao quyết định chia/tách/hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản tương đương.

++ Đối với tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức bị hợp nhất là hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gồm:

+++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Bản sao quyết định chia/hợp đồng hợp nhất/hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương;

++ Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập, tổ chức sau chuyển đổi loại hình tổ chức nếu có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, gồm:

+++Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Bản sao quyết định tách tổ chức, hoặc bản sao hợp đồng sáp nhập, hoặc bản sao quyết định chuyển đổi loại hình của tổ chức hoặc văn bản tương đương;

+++ Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động, quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương khác.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Đối với tổ chức mới thành lập sau chia, tách, hợp nhất: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

+ Đối với tổ chức bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất:

++ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

+++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động và chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

+++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ, hoặc vẫn còn số nộp thừa, số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan hải quan, cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc, cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị chủ quản.

+++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ, hoặc vẫn còn số nộp thừa, số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, các đơn vị mới thành lập từ đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất đã có thỏa thuận về việc kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thì cơ quan hải quan, cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất, các đơn vị mới, cơ quan thuế quản lý trực tiếp các đơn vị mới.

+++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ

quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế.

++ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

+ Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập, tổ chức chuyển đổi loại hình tổ chức thay đổi thông tin ĐKT:

++ Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (đối với trường hợp không phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

++ Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (đối với trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

++ Trường hợp chuyển đổi giữa các loại hình doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, chuyển đổi từ tổ hợp tác thành hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã, cơ quan thuế cập nhật thông tin thay đổi khi nhận được giao dịch đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã từ cơ quan đăng ký kinh doanh truyền sang.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với tổ chức mới thành lập sau chia, tách, hợp nhất: Giấy chứng nhận đăng ký thuế (lần đầu).

+ Đối với tổ chức bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT, Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo đơn vị chủ quản gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT, Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của

người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập, tổ chức chuyển đổi loại hình tổ chức thay đổi thông tin ĐKT: Giấy chứng nhận đăng ký thuế mẫu số 10-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (đối với trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam mẫu số BK07-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

+ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 01-ĐK-TCT, 24/ĐK-TCT, 08-MST, BK01-ĐK-TCT, BK02-ĐK-TCT, BK03-ĐK-TCT, BK04-ĐK-TCT, BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời

đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

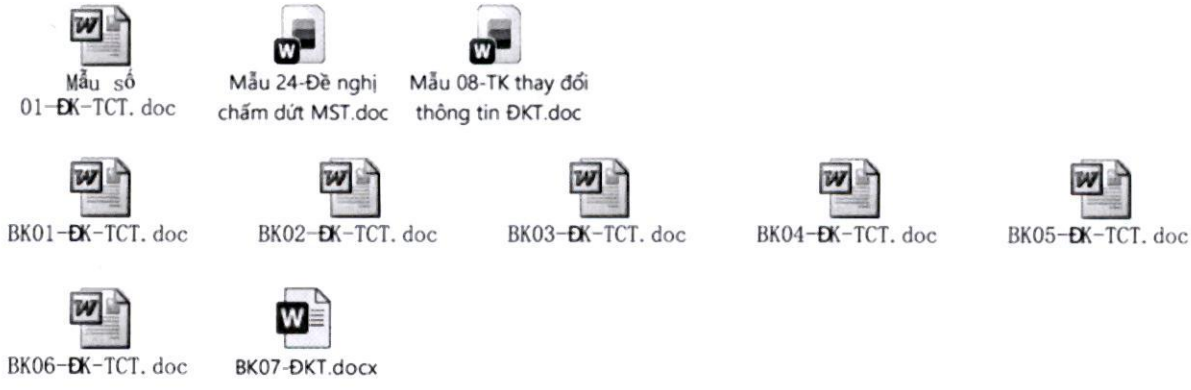
+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

(i) Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



(ii) Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính




Bảng kê
BK01-ĐKT.doc


Bảng kê
BK02-ĐKT.docx


Bảng kê
BK03-ĐKT.docx


Bảng kê
BK04-ĐKT.docx


Bảng kê
BK05-ĐKT.docx


Bảng kê
BK06-ĐKT.docx


Bảng kê
BK07-ĐKT.docx

11. Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) (Mã số TTHC 2.002321)

- Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ:

+ Trường hợp chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại:

++ Đơn vị phụ thuộc có Quyết định chuyển thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại thì đơn vị độc lập, đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế mới trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép tương đương theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 90/2026/TT-BTC theo nơi nộp hồ sơ như sau:

+++ Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã trước khi nộp hồ sơ để chấm dứt hoạt động tại cơ quan đăng ký kinh doanh phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo thời hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), Luật Hợp tác xã (đối với hợp tác xã) và các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật khác có liên quan không quy định thời hạn người nộp thuế phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế thì người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

+++ Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đang bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, trước khi nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã (bao gồm cả trường hợp giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc), hoặc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc tại cơ quan đăng ký kinh doanh phải đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định.

+ Trường hợp chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác:

++ Đơn vị độc lập có quyết định chuyển đổi phải nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động theo quyết định chuyển đổi.

++ Đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế mới trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 90/2026/TT-BTC theo nơi nộp hồ sơ như sau:

+++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Thuế tỉnh, TP nơi đặt trụ sở.

+++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác theo quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Thuế cơ sở nơi tổ hợp tác đóng trụ sở, tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập (trừ đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã), tại Thuế cơ sở nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập, đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập.

Đơn vị chủ quản của đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi phải kê khai bổ sung đơn vị phụ thuộc mới thành lập với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Trường hợp chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác

++ Đơn vị phụ thuộc cũ phải nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động theo quyết định chuyển đổi.

++ Đơn vị phụ thuộc mới phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế mới trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 90/2026/TT-BTC theo nơi nộp hồ sơ như sau:

+++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Thuế tỉnh, TP nơi đặt trụ sở.

+++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác theo quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Thuế cơ sở nơi tổ hợp tác đóng trụ sở, tại Thuế tỉnh, thành phố nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết

định thành lập (trừ đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã), tại Thuế cơ sở nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức không do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập, đơn vị theo hệ thống ngành dọc hoạt động tại cấp xã do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập.

Đơn vị chủ quản của đơn vị phụ thuộc sau chuyển đổi phải kê khai bổ sung đơn vị phụ thuộc mới thành lập với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

+ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế; thực hiện lập hồ sơ đăng ký thuế trực tuyến, xác thực điện tử của người nộp thuế là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) và gửi cho cơ quan thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế tiếp nhận, phản hồi tự động cho người nộp thuế để ghi nhận việc thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày hệ thống thông tin điện tử ghi nhận việc nộp hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế về việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không được tiếp nhận, thông báo của cơ quan thuế phải nêu rõ lý do để người nộp thuế hoàn thiện và gửi lại hồ sơ đăng ký thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến: Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế.

+ Trực tiếp: Tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.

+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Việc áp dụng toàn bộ các hình thức giao dịch điện tử trong phạm vi đăng ký thuế được thực hiện theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ gồm:

++ Đối với đơn vị chủ quản, đơn vị độc lập mới thành lập sau chuyển đổi:

+++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam mẫu số BK07-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

+++ Tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++++ Bản sao Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

++ Đối với đơn vị phụ thuộc mới thành lập sau chuyển đổi:

+++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; trường hợp đơn vị phụ thuộc được cấp mã số thuế 10 chữ số theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư này là Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

+++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại điểm b, c, p khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++++ Bản sao không yêu cầu chứng thực quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

++ Đối với đơn vị bị chấm dứt MST sau chuyển đổi:

+++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+++ Bản sao Quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động của đơn vị chủ quản, hoặc Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị phụ thuộc của cơ quan có thẩm quyền.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì bản sao các văn bản, giấy tờ quy định trong hồ sơ đăng ký thuế là bản sao điện tử.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Đối với hồ sơ đăng ký thuế lần đầu: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

+ Đối với hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST:

++ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

+++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

+++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc, cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị chủ quản.

+++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới, cơ quan thuế quản lý trực tiếp các đơn vị mới.

+++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC gửi cho người nộp thuế.

++ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

+++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác; đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/ Chi cục thuế Doanh nghiệp lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với hồ sơ đăng ký thuế lần đầu: Giấy chứng nhận đăng ký thuế theo mẫu số 10-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+ Đối với hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT; Thông báo về chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo đơn vị chủ quản theo mẫu số 35/TB-ĐKT; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (đối với đơn vị độc lập và trường hợp đơn vị phụ thuộc được cấp mã số thuế 10 chữ số theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 90/2026/TT-BTC);

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (đối với đơn vị phụ thuộc).

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam mẫu số BK07-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

+ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.

Từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì tiếp tục áp dụng mẫu số 01-ĐK-TCT, 02-ĐK-TCT, 24/ĐK-TCT, BK01-ĐK-TCT, BK02-ĐK-TCT, BK03-ĐK-TCT, BK04-ĐK-TCT, BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính đối với trường hợp đăng ký thuế theo phương thức điện tử.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

+ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

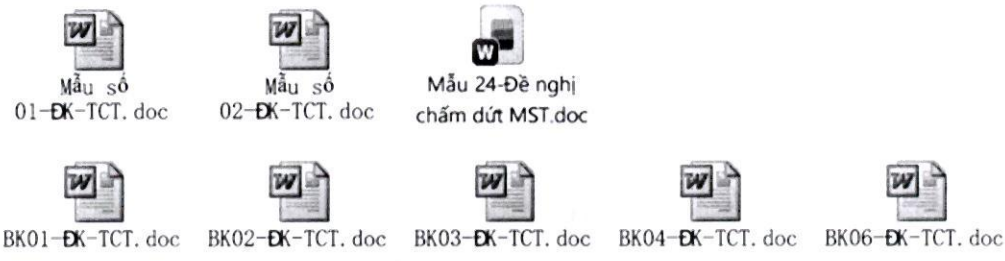
+ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

+ Tờ khai áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến trước thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính



+ Tờ khai áp dụng theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính

